TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 14/03/2025
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Đỗ Thị Thanh

Ngô Thị Thơm

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Nam Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thuỳ - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 655/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94a/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đỗ Xuân M, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Đài Loan.

Ông M, bà T đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai công Đỗ Xuân M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q (nay là xã T), huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 06/11/1991. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do năm 2009 bà T cố tình đi nước ngoài nhưng ông không đồng ý nên từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau và sống ly thân từ năm 2009 tới nay. Ông cho rằng, nếu ông và bà T chung sống với nhau thì sẽ xảy ra xô xát không mong muốn, dẫn tới hậu quả không tốt trong gia đình. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà T. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm trọng, đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án và đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Ông và bà T có 03 con chung là Đỗ Thị Vân A, sinh ngày 29/9/1992; Đỗ Thế H, sinh ngày 11/7/1995 và Đỗ Thị Quỳnh A1, sinh ngày 05/7/2007. Cháu Vân A và cháu H hiện nay đều đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Còn cháu Quỳnh A1, sau khi ly hôn ông có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con đến khi trưởng thành. Ông tự nguyện không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn bà Nguyễn Thị T và Ông Nguyễn Ngọc K (là anh ruột bà T) trình bày:

Do ông M không cung cấp được địa chỉ của bà T ở Đài Loan nên Tòa án đã tiến hành xác minh với gia đình bà T. Ông Nguyễn Ngọc K (là anh ruột bà T) trình bày: Bà T hiện đang lao động ở Đài Loan, bà T vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình. Tuy nhiên, bà T không cho biết địa chỉ cụ thể của bà ở Đài Loan nên không thể cung cấp cho Tòa án được, mặc được Tòa án yêu cầu cung cấp nhiều lần. Về thời điểm kết hôn như ông M trình bày là đúng. Bà T xác định vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, ông M có đơn xin ly hôn, quan điểm của bà T nhất trí ly hôn với theo yêu cầu khởi kiện của ông M. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Đỗ Thị Vân A, sinh năm 1992; Đỗ Thế H, sinh năm 1995 và Đỗ Thị Quỳnh A1, sinh ngày 05/7/2007. Cháu Vân A và cháu H đều đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Còn cháu Quỳnh A1, sau khi ly hôn ông M có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con đến khi trưởng thành, bà T nhất trí. Về cấp dưỡng, ông M tự nguyện không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, bà T

nhất trí. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông K nhất trí nhận văn bản tố tụng của Tòa án thay cho bà T và cam kết thông báo lại cho bà T được biết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn ông M có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn bà T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Xử cho ông Đỗ Xuân M được ly hôn với bà Bùi Thị T1; Về con chung: Giao cho ông M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Đỗ Thị Quỳnh A1, sinh ngày 05/7/2007 cho đến khi trưởng thành. Bà T1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ông M. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Ông M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Đỗ Xuân M có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa ông và bà Bùi Thị T1. Bị đơn bà T1 hiện đang sinh sống và lao động tại Đ, có địa chỉ trước khi xuất cảnh tại thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông M không cung cấp được địa chỉ của bà T1 tại Đài Loan. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã nhiều lần yêu cầu người nhà trong gia đình bà T1 cung cấp địa chỉ

nhưng gia đình bà T1 không cung cấp được. Thông qua gia đình bà T1 xác định bà T1 có liên lạc về gia đình, bà T1 có quan điểm nhất trí ly hôn theo yêu cầu của ông M theo biên bản lấy lời khai của ông K (là anh trai bà T1) và biên bản lấy lời khai của bà T1 (bằng hình thức trực tuyến gọi điện trên ứng dụng điện tử zalo qua tài khoản Đỗ Xuân M gọi đến tài khoản tên Nguyễn Thị T lưu tên "Mẹ Quỳnh A1") nhưng không cung cấp địa chỉ. Do vậy, áp dụng Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

[1.3] Ông M có đơn đề nghị giải quyết xử vắng mặt; bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, có ý kiến đề nghị giải quyết vắng mặt (thông qua ông Nguyễn Ngọc K), Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông M, bà T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Xuân M và bà Nguyễn Thị T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q (nay là xã T), huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 06/11/1991 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do năm 2009 bà T cố tình đi nước ngoài nhưng ông M không đồng ý nên từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau và sống ly thân từ năm 2009 tới nay. Nay, bà T đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, mỗi người có cuộc sống riêng. Ông M xác định không còn tình cảm vợ chồng và có đơn xin ly hôn, thông qua gia đình bà T đã biết việc ông M có đơn xin ly hôn, bà T có quan điểm nhất trí ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông M, bà T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho ông M ly hôn bà T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung:

Ông M và bà T có 03 con chung là Đỗ Thị Vân A, sinh năm 1992; Đỗ Thế H, sinh năm 1995 và Đỗ Thị Quỳnh A1, sinh ngày 05/7/2007. Cháu Vân A và cháu H hiện nay đều đã trưởng thành nên Toà án không xem xét giải quyết. Còn cháu Quỳnh A1, vợ chồng thống nhất để ông M được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, chấp nhận sự thỏa thuận của ông M và bà T, giao cho ông M được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Quỳnh A1 cho đến khi trưởng thành. Bà T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ông M.

Bà Nguyễn Thị T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Ông M phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Đỗ Xuân M được ly hôn bà Bùi Thị T1.

2. Về con chung: Giao cho ông Đỗ Xuân M được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Đỗ Thị Quỳnh A1, sinh ngày 05/7/2007 thời gian từ tháng 03/2025 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Bà Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ông Đỗ Xuân M.

Ông Đỗ Xuân M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Ông Đỗ Xuân M phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005368 ngày 29/11/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (ông M đã nộp đủ).

4. Về quyền kháng cáo: Ông Đỗ Xuân M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án

được niêm yết theo quy định của pháp luật; Bà Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Tân Quang, huyện Ninh Giang
(*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa HC, Tòa GĐ&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Cường